TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **473**/2024/QĐST-HNGĐ	*Đà Lạt, ngày 25 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 40, Điều 48, Điều 147, Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 821/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Một bên là: Bà **Phạm Th. Ph,** sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Số 10 đường H, phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Và một bên là: Ông **Nguyễn X. T,** sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số 369 tổ A,, phường Q, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Th. Ph và ông Nguyễn X. T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, bà Ph và ông T đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố Đà Lạt vào ngày 12/12/2022. Do đó, hôn nhân giữa bà Ph và ông T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn trong hôn nhân theo bà Ph và ông T trình bày thì: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, nhất là các vấn đề có liên quan đến tài chính gia đình nên vợ chồng mới phát sinh cải vã, to tiếng, xúc phạm lẫn nhau, ông bà tuy sống cùng nhà nhưng không ăn chung, không thể nói chuyện được cùng nhau. Nay ông bà thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa vợ chồng.

Qua đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Ph và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn của bà Ph và ông T .

[2] Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn X. M. T, sinh ngày: 26/9/2023

Khi ly hôn, bà Ph và ông T thỏa thuận giao con chung cho bà Phạm Th. Ph trực tiếp nuôi dưỡng; ông Nguyễn X. T sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thành niên với số tiền là 2.000.000đ/tháng (*Hai triệu đồng/tháng*), thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ tháng 12/2024.

Xét, việc thỏa thuận của bà Ph và ông T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của bà Ph và ông T về người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi vợ chồng ly hôn.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: bà Ph và ông T cùng xác định, vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Ph và ông T thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Th. Ph và ông Nguyễn X. T thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn X. M. T, sinh ngày: 26/9/2023.

Khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà Phạm Th. Ph trực tiếp nuôi dưỡng; ông Nguyễn X. T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thành niên với số tiền là 2.000.000đ/tháng (*Hai triệu đồng/tháng*), thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ tháng 12/2024.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà Ph và ông T cùng xác định, vợ chồng không có nợ chung.

2. Về án phí, lệ phí Tòa án: bà Phạm Th. Ph và ông Nguyễn X. T thỏa thuận chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã tạm nộp theo biên lai thu số 0001502 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà

Lạt; bà Ph và ông T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Lạt;
- Chi cục THA dân sự TP. Đà Lạt;
- UBND phường 11, thành phố Đà Lạt;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đặng Thị Thới